

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2021



Địa chỉ: 02 Phan Đình Phùng, Đà Nẵng



ĐT: (0236) 3822247 - 3810735



Website: www.dapharco.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Quá trình hình thành phát triển	6
Nghành nghề và địa bàn kinh doanh	8
Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	9
Định hướng phát triển	10
Tình hình hoạt động trong năm	11
Tổ chức và nhân sự	13
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	15
Tình hình tài chính	16
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	17
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	18
Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc	20
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	27
Quản trị Công ty	30
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	41

THÀNH TỰU NỔI BẬT NĂM 2021



TOP 10 CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM UY TÍN NĂM 2021

Nhóm ngành: Phân phối, kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế.

THÀNH LẬP TRUNG TÂM TIÊM CHỦNG VACCINE – PHÒNG KHÁM SẢN NHI TẠI 11 LÊ DUẨN – HẢI CHÂU 1, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



- Tên giao dịch : DAPHARCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400101404
- Vốn điều lệ : 139.543.150.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 139.543.150.000 đồng
- Địa chỉ : 02 Phan Đình Phùng, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng
- Số điện thoại : (0236) 3822247 - 3810735
- Số fax : (0236) 3891752
- Website : www.dapharco.com.vn
- Mã cổ phiếu : DDN (UPCoM)

1

THÔNG TIN CHUNG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1998

- Thành lập Công ty : Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng tiền thân là Công ty Dược Đà Nẵng thành lập từ đầu năm 1984. Sau khi Tp Đà Nẵng chia tách địa giới trực thuộc trung ương, sáp nhập thêm Công ty Dược phẩm QNĐN (01/01/1998).

2005

- Cổ phần hoá từ DNNN Công ty Dược Đà Nẵng theo quyết định 195/2004/QĐ-UB, ngày 08/12/2004 của UBND TP Đà Nẵng về việc “phê duyệt phương án cổ phần hoá chuyển Công ty Dược Đà Nẵng thành Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng”, Công ty CP hoạt động chính thức từ 01/4/2005.

2007

- Đăng ký Công ty đại chúng theo luật Chứng khoán vào cuối năm 2007
- Niêm yết : Sàn UPCoM - 24/6/2009

CÁC SỰ KIỆN KHÁC

Phát hành 2.000.000 CP nâng Vốn điều lệ từ 8.000.000.000 đồng lên 28.000.000.000 đồng vào cuối năm 2007. Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước nắm giữ 36,43%.

Phát hành 2.040.000 CP nâng Vốn điều lệ từ 28.000.000.000 đồng lên 50.400.000.000 đồng vào quý III năm 2014. Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước nắm giữ 36,43%.

Tháng 4/2015 Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và tổng kết 5 năm hoạt động của công ty. Đồng thời bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020

Tháng 11/2015 Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - SCIC (nắm giữ 36,43%) thoái toàn bộ vốn tại công ty. Các nhà đầu tư cá nhân đã mua toàn bộ số CP SCIC thoái vốn tại công ty.

Phát hành 3.753.896 CP nâng Vốn điều lệ từ 50.400.000.000 đồng lên 87.938.960.000 đồng – Đăng ký tăng vốn quý I/2017, giao dịch bổ sung CP mới phát hành 30/3/2017 .

Phát hành 1.318.766 CP nâng Vốn điều lệ từ 87.938.960.000 đồng lên 101.126.620.000 đồng– Đăng ký tăng vốn quý IV/2018, giao dịch bổ sung CP mới phát hành 05/9/2018

Ngày 03/5/2019 Đại hội cổ đông thường niên thông qua việc thay đổi Cơ cấu tổ chức quản lý công ty từ Mô hình : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc sang Mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (không có Ban kiểm soát)

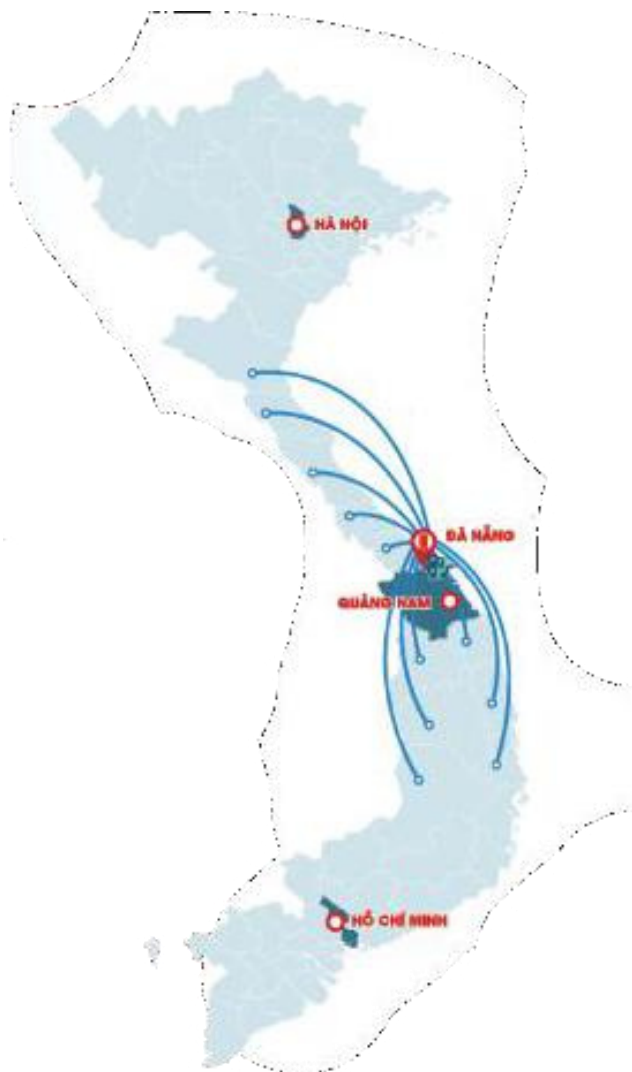
Phát hành 2.021.812 CP Từ cổ tức 2018 và cổ phiếu thưởng nâng Vốn điều lệ từ 101.126.620.000 đồng lên 121.344.740.000 đồng - Đăng ký tăng vốn quý III/2019, giao dịch bổ sung CP mới phát hành từ ngày 22/8/2019.

Phát hành 1.819.841 CP từ cổ tức năm 2020 nâng vốn điều lệ từ 121.344.740.00 đồng lên 139.543.150.000 đồng – Đăng ký tăng vốn quý IV/2021, giao dịch bổ sung CP mới phát hành từ ngày 19/01/2022.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh- xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hoá chất, trang thiết bị y tế - khoa học kỹ thuật, thực phẩm dinh dưỡng và phòng bệnh, Y tế dự phòng, Trung tâm tiêm chủng Vaccine.

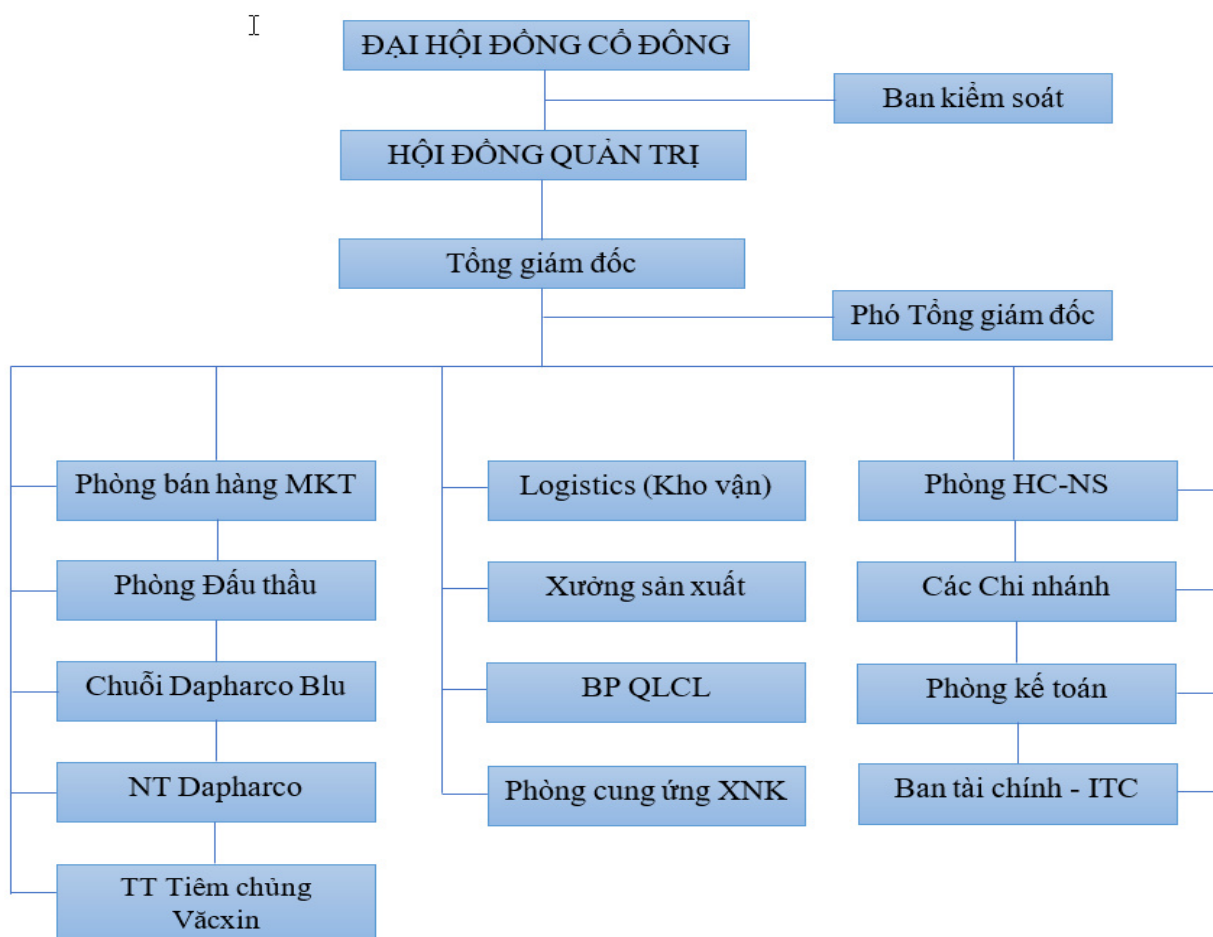
- Địa bàn kinh doanh chính: Đà Nẵng, Quảng Nam, TP Hồ Chí Minh và Hà Nội



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

- **Mô hình quản trị** : Mô hình quản trị công ty bao gồm Đại hội Đồng cổ đông; Ban kiểm soát thuộc Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc.
- **Cơ cấu bộ máy quản lý** :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CP DƯỢC – THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG



- **Các công ty con, công ty liên kết**: Không

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Xây dựng Công ty trở thành nhà phân phối Dược phẩm chuyên nghiệp, Top 10 Doanh nghiệp dược Việt Nam về phân phối Dược phẩm - Thiết bị vật tư y tế. Trở thành trung tâm Logistic chuyên nghiệp và uy tín. Tạo nguồn hàng hóa chất lượng, giá cả phù hợp phục vụ ngày càng tốt hơn cho nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân, trước tiên là tại Khu vực miền Trung – Tây nguyên.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn : Đầu tư đào tạo nhân lực, Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng cho mục tiêu phân phối chuyên nghiệp; Đầu tư sản xuất các mặt hàng vật tư tiêu hao có lợi thế cạnh tranh phục vụ nhu cầu các cơ sở khám chữa bệnh; Đầu tư phát triển các sản phẩm tự doanh độc quyền (Gia công, nhượng quyền, bao tiêu); Đầu tư Hệ thống Chuỗi siêu thị thuốc Dapharco BLU Pharmacy tại thị trường Đà Nẵng và cả nước

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Đảm bảo thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong việc tiến hành SXKD, cam kết luôn có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng trong hoạt động của công ty

CÁC RỦI RO

Với sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề, cùng với sự thay đổi chính sách của Bộ y tế về cơ chế đấu thầu thuốc vào các cơ sở khám chữa bệnh, cùng với tình hình dịch bệnh covid-19 đã và đang gây nhiều ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty, doanh thu – nhất là doanh thu cung ứng cho các cơ sở khám chữa bệnh và bán lẻ cho khách du lịch quốc tế giảm đáng kể.



**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ : 1.549,23 tỷ đồng

Tổng lợi nhuận trước thuế : 18,72 tỷ đồng

Lãi cơ bản/CP : 1.069 đồng

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh với năm 2020		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỉ lệ (%)	Năm 2021	Năm 2020	Tỉ lệ (%)
Tổng Doanh thu (tỷ đồng)	1.549,23	1.821,19	85,1	1.549,23	1.559,59	99,3
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	18,72	20,65	90,6	18,72	19,47	96,1

Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2021 đạt lần lượt 85,1% và 90,6% so với Kế hoạch đề ra chủ yếu do ảnh hưởng của dịch covid-19 đợt 4 bùng phát và áp lực cạnh tranh ngày càng cao trong việc đấu thầu cung cấp thuốc – vật tư y tế, doanh thu một số hoạt động suy giảm doanh thu mạnh, cụ thể:

+ Ủy thác nhập khẩu – đặc biệt là Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh doanh số 2021 giảm 31% so với thực hiện 2020 và chỉ đạt 60% KH 2021.

+ Hoạt động bán hàng ETC: Doanh số 2021 giảm 28% so với thực hiện 2020 và chỉ đạt 61% KH 2021.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Danh sách Ban điều hành tại 31/12/2021:

Họ và Tên	Chức vụ
Ô. Nguyễn Công Lâm	Tổng giám đốc
Ô. Nguyễn Hữu Công	Phó Tổng giám đốc
Ô. Nguyễn Trung	Phó Tổng giám đốc
Bà. Trần Thị Ánh Minh	Kế toán trưởng

Ô. Nguyễn Công Lâm UV HĐQT, Tổng giám đốc

Ngày sinh : 19/12/1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác:

- Từ năm 2006 đến năm 2010 : Floor Manager - Siêu thị Metro -Hải Phòng.
- Từ năm 2010 đến năm 2013 : Trưởng phòng giao dịch – Ngân hàng Bảo Việt Hải Phòng.
- Từ năm 2013 đến năm tháng 2017: Giám đốc Siêu thị Trần Anh - Hải Phòng.
- Từ 2017 đến 31/07/2021: Trưởng phòng kinh doanh – xuất nhập khẩu, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dược – Thiết bị y tế Đà Nẵng.
- Từ 01/08/2021 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Dược – Thiết bị y tế Đà Nẵng.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : Không

Ô. Nguyễn Hữu Công - UV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh : 21/10/1961

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ năm 1977 đến năm 1980: Du kích cơ động truy quét Fulrô tại Đắc Lắc
- Từ năm 1985 đến năm 1987: Giáo viên Trường trung cấp Thống kê 3 Đà Nẵng
- Từ 1988 đến năm 1990: Kế toán Công ty Dược Đà Nẵng
- Từ năm 1991 đến tháng 3/2005: Kế toán trưởng Công ty Dược Đà Nẵng
- Từ tháng 4/2005 đến tháng 4/2010: Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược – Thiết bị y tế Đà Nẵng
- Từ tháng 5/2010 đến tháng 9/2012: Ủy viên HĐQT - Phó tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng.
- Từ tháng 10/2012 đến nay: Ủy viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,35%

Ô. Nguyễn Trung
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 28/12/1973.

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ chuyên khoa cấp I, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 04/1996 đến 11/1999: Nhân viên bán hàng Công ty dược tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng.
- Từ 12/1999 đến 09/2001: Nhân viên thị trường Công ty dược thành phố Đà Nẵng
- Từ 10/2001 đến 05/2005: Học lớp Dược sĩ đại học (hệ tập trung 04 năm tại trường Đại học kỹ thuật y dược Huế.
- Từ 06/2005 đến 05/2011: Thư ký Hội đồng quản trị, kiêm chuyên viên Phòng Kinh doanh – Xuất nhập Dapharco
- Từ 06/2011 đến 10/2018: Thư ký Hội đồng quản trị (thư ký Công ty), kiêm trợ lý Tổng Giám đốc, chuyên viên Phòng Kinh doanh – xuất nhập khẩu Dapharco
- Từ 11/2018 đến 12/2019: Trợ lý Tổng Giám đốc, kiêm Phó Phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu Dapharco.
- Từ 01/2020 đến 7/2021: Trợ lý Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Phòng Cung ứng – Xuất nhập khẩu Dapharco
- Từ 08/2021 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Trưởng Phòng Cung ứng - XNK
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,13%

Bà. Trần Thị Ánh Minh
Kế toán trưởng

Ngày sinh : 23/02/1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Tháng 11/1998 đến tháng 3/2005 nhân viên phòng kế toán tài vụ Công ty Dược Đà Nẵng
- Tháng 04/2005 đến tháng 9/2012 nhân viên phòng kế toán tài vụ Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng
- Tháng 10/2012 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược – Thiết bị y tế Đà Nẵng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,13%

Những thay đổi trong
Ban điều hành

- + Quyết định số 05/2021/QĐ-HĐQT ngày 04/02/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Dược – TBYT Đà Nẵng: Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Võ Anh Hùng từ ngày 04/02/2021.
- + Nghị quyết số 48/2021/NQ-HĐQT ngày 30/06/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Dược – TBYT Đà Nẵng: Bổ nhiệm ông Nguyễn Công Lâm với chức vụ: Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật của Công ty từ 01/08/2021 thay cho ông Tống Việt Hải.
- + Nghị quyết số 57/2021/QĐ-HĐQT ngày 20/07/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Dược – TBYT Đà Nẵng: Bổ nhiệm ông Nguyễn Trung với chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Xem Mục 6.6 Phần II của báo cáo.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

a) Các khoản đầu tư lớn :

- Dự án Nhà máy sản xuất và Kho bảo quản thuốc tại Khu công nghiệp Hòa Cầm:
 - + Tổng dự toán: 41,02 tỷ đồng.
 - + Tổng diện tích đất: hơn 9.000 m². Mật độ xây dựng: 60%.
 - + Giai đoạn 1: Kho bảo quản thuốc đạt chuẩn GSP (diện tích 1200m²), Kho hàng tiêu dùng (600m²) và các hạng mục phụ trợ. Dự kiến đưa vào hoạt động từ Quý III/2022.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020 (đ)	Năm 2021 (đ)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	665.521.451.364	532.914.838.110	-19,9%
Doanh thu thuần	1.554.800.681.390	1.546.299.235.285	-0,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.473.463.631	17.282.614.402	-6,4%
Lợi nhuận khác	1.000.249.094	1.436.347.558	43,6%
Lợi nhuận trước thuế	19.473.712.725	18.718.961.960	-3,9%
Lợi nhuận sau thuế	15.590.377.821	14.915.846.627	-4,3%
Tỷ lệ trả cổ tức/vốn điều lệ	15%	10%	-33,3%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần):	1,26	1,42	
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần):	1,12	1,23	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	79,58%	63,86%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	274,55%	176,70%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho (lần):	17,93	22,72	
+ Vòng quay tổng tài sản	1,94	2,58	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	1,00%	0,96%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq (%)	8,80%	7,74%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (%)	1,94%	2,80%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	1,19%	1,12%	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (31/12/2021)

a) Cổ phần:

- Tổng số cp đang lưu hành : 13.954.315 cổ phiếu
- Loại CP : Cổ phiếu phổ thông
- Số CP chuyên nhượng tự do : 13.954.315 cổ phiếu
- Số CP hạn chế chuyên nhượng : Không

Cơ cấu cổ đông	Số lượng	CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
+ Cổ đông lớn	3	8.922.100	63,94%
+ Cổ đông nhỏ	1223	5.032.215	36,06%
+ Cổ đông tổ chức	7	8.563.314	61,37%
+ Cổ đông cá nhân	1219	5.391.001	38,63%
+ Cổ đông trong nước	1220	13.911.759	99,70%
+ Cổ đông nước ngoài	6	42.556	0,30%
+ Cổ đông nhà nước	0	0	0
+ Cổ đông khác	1226	13.954.315	100%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2021:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 46/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

+ Số lượng cổ phiếu phát hành thêm tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm: 1.819.841 cổ phiếu;

+ Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 15% (mỗi 100 cổ phiếu nhận thêm 15 cổ phiếu);

+ Công ty đã hoàn thành phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 24/11/2021 theo báo cáo số 852/BCPH-CT ngày 24/11/2021 và hoàn thành việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 19/01/2022.

- Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không

c) Các chứng khoán khác: Không

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp : Không
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính : *Không*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm : 21.000 kg

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : Không

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : 300.000 KW/h điện

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :

* Nguồn cung cấp : Nước sinh hoạt của Thành phố - Công ty cấp nước thành phố Đà Nẵng

* Lượng nước sử dụng : 2.900 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng CBNV bình quân : 285 người

- Lương bình quân/LĐ/tháng : 7.921.270 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của

người lao động/

- Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày/tuần, 08 giờ/ngày. Việc tổ chức làm thêm giờ đảm bảo về thời gian theo luật Lao động và được hưởng lương ngoài giờ theo qui định của Pháp luật nhà nước.

- Quy chế trả lương, thưởng công khai, công bằng theo công việc và cống hiến cho công ty. Trả lương đúng kỳ hạn,

- Thực hiện đầy đủ việc ký hợp đồng lao động cho toàn bộ CBNV, Định kỳ 1lần/năm xét nâng lương cho CBNV,

- Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại bảo hiểm theo qui định, mua bảo hiểm tai nạn cho CBNV công tác có rủi ro cao, Hàng năm thực hiện khám sức khỏe cho toàn bộ lao động,

- Tổ chức Hội nghị người lao động năm 2021 theo quy định của Nhà nước,

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

* Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho NV bán hàng : 16 giờ

* Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho công nhân SX : 24 giờ

* Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho NV văn phòng : 20 giờ

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp : Thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý và hoạt động SXKD.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Trong năm đã chi hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19 là 300 triệu đồng

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Mặc dù tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn về đầu thầu vào cơ sở khám chữa bệnh, và ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh covid-19 làm cho doanh thu bán hàng và lợi nhuận giảm đáng kể, nhưng Công ty đã phấn đấu nỗ lực thực hiện tốt nhất nhiệm vụ tổ chức sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021;

Tuy các chỉ tiêu cơ bản về doanh thu, lợi nhuận chưa đạt kế hoạch năm và giảm so với năm 2020, nhưng Công ty đã đảm bảo 100% người lao động có việc làm, ổn định và tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo cổ tức theo kế hoạch; Thực hiện việc nộp ngân sách nhà nước các khoản liên quan đến chế độ người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ... đầy đủ đúng hạn; Cung ứng kịp thời đầy đủ thuốc, VTYT cho nhu cầu khám chữa bệnh tại Tp Đà Nẵng và Miền Trung; Đảm bảo chất lượng thuốc cung ứng; Thực hiện tốt việc tổ chức phân phối các sản phẩm tự doanh, độc quyền.

– *Những tiến bộ công ty đã đạt được :*

* Top 10 Công ty phân phối dược phẩm uy tín Việt Nam 2021 và liên tục 6 năm từ năm 2016 đến năm 2021 là top 10 Công ty dược phẩm uy tín Việt Nam.

* Đã tiến hành cải tạo tại 11 Lê Duẩn, Đà Nẵng để thành lập Trung tâm tiêm chủng vaccine - Phòng khám sản nhi nhằm mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh mới, khai trương đi vào hoạt động từ 25/02/2022.

* Thương hiệu công ty ngày càng được nhiều đối tác trong và ngoài nước và người tiêu dùng quan tâm biết đến; Nhiều đối tác đã tăng cường liên kết trong mua bán, đại lý; Cung ứng kịp thời đầy đủ thuốc, vật tư y tế cho nhu cầu khám chữa bệnh tại Tp Đà Nẵng và Miền Trung; Đảm bảo chất lượng thuốc cung ứng; Thực hiện tốt việc tổ chức phân phối các sản phẩm tự doanh, độc quyền.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài sản:

Tổng Tài sản đầu kỳ : 665.521.451.364 đ

Trong đó :

TS ngắn hạn : 613.000.498.738 đ

TS dài hạn : 52.520.952.626 đ

Tổng Tài sản cuối kỳ : 532.914.838.110 đ

Trong đó :

TS ngắn hạn : 480.339.007.474 đ

TS dài hạn : 52.575.830.636 đ

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Tổng tài sản giảm -132.606.613.254 đồng,

Trong đó:

TS ngắn hạn giảm -132.661.491.264 đồng,

TS dài hạn tăng: +54.878.010 đồng.

+ Tài sản ngắn hạn giảm so với đầu năm : -132.661.491.264 đ

chủ yếu là do :

* Tiền và các khoản tương đương giảm : -1.590.912.509 đ

* Các khoản nợ phải thu ngắn hạn giảm : -130.969.417.911 đ

Trong đó :

Phải thu ngắn hạn khách hàng giảm: -145.710.875.529 đ,

đây là khoản giảm chủ yếu.

Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng: +1.527.440.414 đ

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng: +3.124.265.254 đ

Phải thu về cho vay ngắn hạn tăng: +20.000.000.000 đ

Công ty luôn quan tâm đặc biệt đến công nợ trong quản lý sản xuất kinh doanh, có quy chế chặt chẽ về giải quyết chậm trả nợ và thu nợ bán hàng, hàng quý có đối chiếu hầu hết công nợ mua hàng, bán hàng. Công ty thường xuyên và kịp thời cập nhật, phân loại công nợ, trích lập dự phòng công nợ phải khó đòi đúng, đủ theo quy định. Trong năm 2021 đã tích cực thu hồi công nợ bán hàng

làm cho Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm đáng kể.

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục trích lập các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi theo quy định của pháp luật. Tổng số trích lập dự phòng lũy kế đến cuối năm 2021 là: 8.232.308.798 đ.

+ Tài sản dài hạn tăng so với đầu năm 54.878.010 đồng, chủ yếu là do:

* Hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình và vô hình tăng lên +1.996.950.827 đ do khấu hao trong năm.

* Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng lên: +2.240.867.742 đ do thanh toán khối lượng theo giai đoạn của Dự án Nhà máy sản xuất và Kho bảo quản thuốc tại KCN Hòa Cầm.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Nợ phải trả ngắn hạn chiếm 99,4% Tổng nợ phải trả, chủ yếu là Phải trả người bán ngắn hạn, Người mua trả tiền trước ngắn hạn và Vay ngắn hạn ngân hàng. Nợ phải trả cho người bán ngắn hạn chiếm tỉ trọng 56% trên tổng nguồn vốn (xấp xỉ tương đương với tỉ lệ nợ phải thu ngắn hạn), đây là đặc điểm về công nợ mua bán của ngành nghề kinh doanh thương mại và nhập khẩu Dược – Thiết bị y tế, tuy nhiên các khoản nợ ngắn hạn luân chuyển liên tục đúng thời gian nợ.

Nợ phải trả ngắn hạn so với đầu năm giảm 276.191.162.204 đ, chủ yếu là do:

* Phải trả cho người bán ngắn hạn giảm -149.598.459.881 đồng,.

* Người mua trả trước ngắn hạn giảm -11.337.263.968 đồng;

* Phải trả người lao động giảm -976.105.361 đồng; Thu nhập thưởng cuối năm 2021 chuyển sang chi đầu năm 2022.

* Vay ngắn hạn Ngân hàng giảm -19.903.783.721 đồng.

Trong năm khoản nợ phải trả ngắn hạn giảm đáng kể - tương ứng với giảm nợ phải thu ngắn hạn. Chủ yếu là do công ty đã tích cực làm tốt công tác thu hồi nợ bán hàng và trả nợ mua hàng ngắn hạn.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

+ Trong năm không phát sinh các khoản nợ phải trả xấu. Các khoản nợ phải trả đều được thanh toán đúng hạn, theo thỏa thuận.

- + Trong năm việc biến động tỷ giá ngoại hối không ảnh hưởng lớn đến hiệu quả công ty do công ty đã có biện pháp khắc phục bằng cơ cấu giá bán phù hợp.
- + Lãi suất vay vốn 2021 giảm so với năm 2020 nhờ vào các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Chính phủ và Ngân hàng nên giúp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả của Công ty.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ:

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu mảng kinh doanh, đảm bảo thống nhất quản lý, tăng hiệu quả hoạt động;
- Bổ sung, sửa đổi một số qui chế quản lý, tăng cường công tác quản lý nội bộ Công ty.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM TIẾP THEO:

- Hàng tự doanh: tiếp tục làm việc với các Viện, Trường Đại học, các chuyên gia để phát triển danh mục sản phẩm độc quyền nhập khẩu phân phối hoặc gia công tại các Nhà máy trong nước theo hướng bảo vệ sức khỏe và thân thiện với môi trường (ECO).
- Đi vào hoạt động, vận hành Trung tâm tiêm chủng - Phòng khám sản nhi tại 11 Lê Duẩn, Đà Nẵng với doanh thu năm 2022 dự kiến 17,4 tỷ đồng.
- Chuẩn hóa, đánh giá hiệu quả năng suất tại Phòng Logistics để làm cơ sở áp dụng khi vào hoạt động tại Khu công nghiệp Hòa Cầm.
- Tiếp tục vận hành doanh nghiệp theo sơ đồ tái cấu trúc mới, xây dựng các Quy trình trọng yếu đảm bảo hỗ trợ cho các mục tiêu của Công ty trên nguyên tắc: Quy trình phải phục vụ cho mục tiêu, chỉ có 1 người duy nhất chịu trách nhiệm và có thể thay đổi quy trình cho phù hợp với mục tiêu của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo nhân sự chủ chốt điều hành công việc của các bộ phận, phòng ban nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Rà soát, bổ sung quy định và cơ chế thưởng phạt kích thích kinh doanh.
- Mở rộng kênh OTC, ETC tại Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Chi nhánh Quảng Nam nhằm tăng doanh thu kinh doanh trên toàn quốc: Tập trung hàng tự doanh Công ty. Duy trì và phát triển là đối tác Xuất nhập khẩu uy tín tại Việt Nam.

- Rà soát điều chỉnh lại Cơ chế lương 3P và P3 phù hợp với thực tế công việc. Xây dựng công cụ đánh giá KPI tự động nhằm nâng cao hiệu suất lao động và đánh giá chính xác năng lực của từng nhân sự.
- Tiếp tục tái đánh giá lại hiệu quả Chuỗi DapharcoBLU, mở lại các điểm mới có tiềm năng và vận hành theo hình thức giao khoán khi tình hình Covid-19 ổn định trở lại.
- Duy trì, chỉnh sửa vận hành tốt ISO 9001-2015, ISO 9001-13485 trong toàn hệ thống Công ty. Áp dụng và duy trì thực hiện tốt bộ quy trình trọng yếu SOP, có quy chế thưởng phạt tính tuân thủ quy trình.
- Áp dụng và kiểm soát thực hiện các quy chế: Tài chính, Chi tiêu nội bộ, Lương thưởng, mua sắm,... và đưa vào áp dụng Nội quy mới của Công ty;
- Đẩy mạnh kênh bán hàng online của Công ty trên toàn quốc.
- Duy trì, phát huy Văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp, Bộ nhận diện thương hiệu.
- Đánh giá năng lực các vị trí đồng thời xây dựng các kế hoạch kiểm soát tăng năng suất lao động.
- Duy trì, giữ vững thương hiệu Top 10 Công ty Dược phẩm uy tín Việt Nam 2022.
- Tiếp tục chỉ đạo bộ phận liên quan làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về công nợ khó đòi tại đối tác còn nợ Dapharco là Công ty TNHH NN MTV Dược – vật tư y tế Quảng Ngãi.
- Phát triển phần mềm DMS trong công tác quản lý kho, kết nối thông tin giữa Công ty với nhà cung cấp, khách hàng, các điểm bán và quản lý nhân viên bán hàng.
- Tiếp tục duy trì và thực hiện nghiêm Khung phân quyền, quy chế tài chính và các quy định khác để kiểm soát chặt chi phí, tránh thất thoát.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: Không

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY: Công ty đã thực hiện tốt các cam kết về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty đã có nhiều qui định, biện pháp để sử dụng nước và năng lượng đúng mục đích và tiết kiệm. Đồng thời luôn quan tâm đến việc xử lý phát thải theo đúng qui định của pháp luật.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động ; Công ty đã thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương : Công ty luôn ủng hộ các chủ trương chính sách của địa phương; Đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ bắt buộc và luôn tự nguyện đóng góp nhiều khoản khác cho hoạt động của địa phương

4

ĐÁNH GIÁ
CỦA HỘI
ĐỒNG QUẢN
TRỊ VỀ HOẠT
ĐỘNG CỦA
CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2021 là năm vẫn còn tiếp tục khó khăn đối với cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh Dược nói riêng, nhất là lĩnh vực cung ứng thuốc vào các cơ sở khám chữa bệnh. Cùng với sự bùng phát của đại dịch covid -19 làm cho sức mua giảm sút ảnh hưởng lớn đến hoạt động và hiệu quả của Công ty.

Tuy không tăng trưởng so với năm 2020 và không đạt kế hoạch năm, nhưng công ty đã phân đấu duy trì hoạt động, đảm bảo việc làm và đời sống cho lao động, nâng cao được uy tín trên thị trường. Công tác quản trị, quản lý tài chính được tăng cường; Thực hiện đúng chế độ về quản lý vốn; Quản lý công nợ, quản lý thu chi, đảm bảo cân đối nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Nội bộ đoàn kết. Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan đến môi trường và xã hội theo quy định của nhà nước.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Theo đánh giá của HĐQT, TGD và Ban Điều hành đã nỗ lực và thực hiện khá tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2021, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý Công ty được duy trì và cải thiện. Các thông tin, báo cáo về hoạt động của Công ty được gửi đến Hội đồng quản trị kịp thời, đúng quy định.

Đặc biệt là Ban Điều hành đã làm tốt công tác ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo cuộc sống cho cán bộ công nhân viên công ty trong bối cảnh bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận thực hiện năm 2021 không đạt so với kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHCĐ, nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, ứng phó kịp thời với chuyển biến của thị trường, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động đem lại những kết quả nhất định cho Công ty.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022:

- HĐQT căn cứ chức năng nhiệm vụ hoàn thiện và ban hành các Quy chế cần thiết để tăng cường công tác quản trị và điều hành Công ty.
- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình.

- Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
- Đảm bảo thực hiện nghiêm túc đầy đủ các chức năng theo khung phân quyền, các qui trình trọng yếu và các quy chế qui định đã ban hành. Mọi hoạt động phải bám theo kế hoạch, quy định, quy chế, trên hết là tính tuân thủ và kỷ luật.
- Tập trung nguồn lực cho sản phẩm: phải đạt được mục tiêu phù hợp và khác biệt
- Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh và số hóa trong quản trị doanh nghiệp.
- Nâng cao tính chính trực và áp dụng triệt để chia sẻ lợi ích trong toàn bộ hệ thống.
- Tăng cường cho đào tạo, phát huy nhân sự từ bên trong, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển.

5

QUẢN TRỊ
CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và Tên	Tỉ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	TV điều hành/ không ĐH	SL chức danh nắm giữ ở TC khác	Ghi chú
Đỗ Thành Trung	0,64	Điều hành	- TGD Công ty CP Megram; - TGD Công ty CP Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofood); - CT HĐQT công ty CP Biocont.	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Công Lâm	00	Điều hành	0	
Tổng Viết Phải	0,42	Không điều hành từ 01/08/2021	0	Thôi chức vụ TGD từ 01/08/2021
Nguyễn Hữu Công	0,35	Điều hành	0	
Phạm Thu Hiền	00	Không điều hành	Phó Tổng Giám đốc công ty CP Megram	Thôi TV HĐQT từ 29/06/2021
Đinh Thị Mộng Vân	00	Không điều hành	- Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Megram - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thực phẩm Lâm Đồng	Bổ nhiệm TV HĐQT từ 29/06/2021

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29/06/2021 đã tổ chức miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới nhiệm kỳ 2020 – 2025, cụ thể:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với bà Phạm Thu Hiền.

- Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025: bà Đinh Thị Mộng Vân

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban Nhân sự Nội vụ và Pháp chế; Tiểu ban tài chính và kiểm toán nội bộ.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị đã thông qua một số nội dung chính như sau:

+ Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính công ty năm 2021.

+ Thông qua Nội dung họp ĐHĐCĐ và đã tổ chức thành công họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

+ Điều chỉnh sơ đồ tổ chức, thay đổi nhân sự quản lý công ty.

+ Triển khai các dự án Nhà máy sản xuất và Kho bảo quản thuốc tại Khu công nghiệp Hòa Cầm; Dự án nâng cấp Xưởng sản xuất; Dự án Trung tâm tiêm chủng Vaccine và Phòng khám Sản-Nhi tại 11 Lê Duẩn, Đà Nẵng.

+ Thống nhất định hướng phát triển sản phẩm, chiến lược phát triển công ty ...

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo:

- Chỉ đạo công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả, tuân thủ theo đúng pháp luật nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

- Tiếp tục chỉ đạo, giám sát việc triển khai tái cơ cấu mô hình tổ chức toàn Công ty; Triển khai tái cấu trúc mảng kinh doanh; Triển khai thực hiện khung phân quyền sửa đổi và các quy trình trọng yếu; Đánh giá, điều chỉnh hoạt động của hệ thống công ty phù hợp thực tế do ảnh hưởng của dịch covid -19 và nâng cao hiệu quả ...

- Đánh giá, điều chỉnh hệ thống quy trình, quy chế làm việc, chỉ đạo chuẩn hóa nhằm tăng cường giám sát việc thực thi các quy trình, quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

Tại các cuộc họp HĐQT, HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định

bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về: tình hình hoạt động của Công ty, các thay đổi, dự báo, kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan nhằm để Tổng Giám đốc và Ban Điều hành có cơ sở triển khai.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/2021/NQ- HĐQT	12/01/2021	NQ HĐQT về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2021	100%
2	04/2021/NQ- HĐQT	4/2/2021	NQ HĐQT Thông qua kết quả HĐSXKD năm 2020, Kế hoạch SXKD năm 2021	100%
3	05/2021/QĐ- HĐQT	4/2/2021	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc	100%
4	06/2021/QĐ- HĐQT	4/2/2021	Thay đổi Thư ký HĐQT kiêm Người PTQT Công ty	100%
5	6A/2021/QĐ- HĐQT	4/2/2021	Điều chỉnh khung phân quyền đối với cấp HĐQT và TGD	100%
6	08/2021/NQ- HĐQT	26/02/2021	NQ HĐQT về việc điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2021	100%
7	10/2021/NQ- HĐQT	18/03/2021	NQ hoãn tổ chức họp ĐHCĐ 2021	100%
8	13/2021/QĐ- HĐQT	31/03/2021	NQ Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công (giai đoạn 1) dự án xây dựng tại KCN Hòa Cầm	100%
9	15/2021/QĐ- HĐQT	31/03/2021	NQ Phê duyệt lựa chọn nhà thầu (giai đoạn 1) dự án xây dựng tại KCN Hòa Cầm	100%
10	17/2021/NQ- HĐQT	2/4/2021	NQ v/v dự toán dự án xây dựng nhà máy sản xuất và kho bảo quản thuốc tại KCN Hòa Cầm	100%
11	20/2021/QĐ- HĐQT	28/04/2021	QĐ bổ nhiệm thay thế TV ban QLDA tại KCN Hòa Cầm	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	22/2021/QĐ- HĐQT	5/5/2021	Thông qua chính sách khen thưởng kích thích công ty đại vượt tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2021	100%
13	25/2021/NQ- HĐQT	7/5/2021	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
14	27/2021/NQ- HĐQT	14/05/2021	Giao dịch với bên liên quan về dịch vụ Công nghệ thông tin	100%
15	29/2021/NQ- HĐQT	20/05/2021	Thông qua kết quả hoạt động sxkd quý 1/2021	
16	31/2021/NQ- HĐQT	27/05/2021	phê duyệt, thông qua Hợp đồng/giao dịch với người có liên quan	100%
17	35/2021/QĐ- HĐQT	7/6/2021	thành lập Ban Quản lý Dự án mới dự án xây dựng Nhà máy Sản Xuất và Kho bảo quản thuốc tại KCN Hòa Cầm	100%
18	48/2021/NQ- HĐQT	30/6/2021	Bổ nhiệm TGD và thay đổi người đại diện theo pháp luật	100%
19	49/2021/NQ- HĐQT	30/6/2021	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025	100%
20	50/2021/NQ- HĐQT	30/6/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2021	100%
21	51/2021/QĐ- HĐQT	9/7/2021	Thông qua giao dịch với bên liên quan	100%
22	52/2021/QĐ- HĐQT	9/7/2021	Thù lao Ông Tổng Viết Phái - TV HĐQT	100%
23	56/2021/NQ- HĐQT	20/7/2021	Điều chỉnh sơ đồ tổ chức Công ty	100%
24	57/2021/QĐ- HĐQT	20/7/2021	Bổ nhiệm cán bộ quản lý	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
25	58/2021/QĐ- HĐQT	20/7/2021	Bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh Quảng Nam	100%
26	59/2021/NQ- HĐQT	20/7/2021	Quyết định điều chỉnh khung lương đối với vị trí nhân sự chủ chốt	100%
27	64/2021/QĐ- HĐQT	27/7/2021	Tạm đình chỉ công tác GD chi nhánh HN	100%
28	65/2021/QĐ- HĐQT	29/7/2021	Phê duyệt kết quả chấm hồ sơ kỹ thuật Gói thầu 01: Xây lắp - Dự án Nhà máy sản xuất và Kho bảo quản thuốc	100%
29	66/2021/QĐ- HĐQT	5/8/2021	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021-2023 và Khung đánh giá KPI của Tổng Giám đốc Công ty	100%
30	69/2021/QĐ- HĐQT	6/8/2021	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020	100%
31	71/2021/QĐ- HĐQT	16/8/2021	Thông qua giao dịch với bên liên quan	100%
32	75/2021/QĐ- HĐQT	9/9/2021	phê duyệt, thông qua Hợp đồng/giao dịch vay và cho vay với người có liên quan	100%
33	76/2021/QĐ- HĐQT	13/9/2021	Thông qua chính sách khen thưởng kích thích công ty đại vượt tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2021	100%
34	79/2021/QĐ- HĐQT	4/10/2021	Miễn nhiệm GD Xưởng SX	100%
35	80/2021/QĐ- HĐQT	4/10/2021	Bổ nhiệm GD Xưởng SX	100%
36	81/2021/QĐ- HĐQT	11/10/2021	Phê duyệt kết quả chấm thầu Gói 01: Xây lắp Dự án NMSX và KBQT	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
37	82/2021/NQ- HĐQT	18/10/2021	Thông qua chủ trương bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh	100%
38	83/2021NQ- HĐQT	22/10/2021	Quyết định ngày đăng ký cuối cùng cho cổ đông hiện hữu thực hiện quyền nhận cổ tức 2020 bằng cổ phiếu và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
39	84/2021/NQ- HĐQT	1/11/2021	Điều chỉnh ngày ĐKCC cho cổ đông hiện hữu thực hiện quyền nhận cổ tức 2020 bằng cổ phiếu và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
40	85/2021/QĐ- HĐQT	4/11/2021	Bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý	100%
41	86/2021/QĐ- HĐQT	4/11/2021	Ký hợp đồng Công ty CP Xây dựng TAS thực hiện gói thầu số 01: Xây lắp, dự án NMSX và KBQT	100%
42	90/2021/QĐ- HĐQT	19/11/2021	Bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý	100%
43	91/2021/NQ- HĐQT	19/11/2021	Thông qua điều chỉnh phương án bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh	100%
44	98/2021/QĐ- HĐQT	23/11/2021	công nhận ngày truyền thống, kỷ niệm thành lập doanh nghiệp	100%
45	97/2021/QĐ- HĐQT	23/11/2021	Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán - Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Cải tạo, lắp đặt dây chuyền bán tự động tại Xưởng sản xuất	100%
46	96/2021/QĐ- HĐQT	23/11/2021	Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán - Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Trung tâm tiêm chủng	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Vaccine Đà Nẵng	
47	95/2021/NQ- HĐQT	23/11/2021	Thông qua điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid 19	100%
48	102/2021/QĐ- HĐQT	9/12/2021	Thống nhất định hướng phát triển các sản phẩm mang thương hiệu Megamda của Dapharco	100%
49	104/2021/QĐ- HĐQT	29/12/2021	Bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: Công ty có 01 thành viên HĐQT không điều hành đều tham gia đầy đủ và nắm bắt được nội các cuộc họp của HĐQT cũng như toàn bộ tình hình hoạt động và quản trị của Công ty, thực hiện các chế độ báo cáo bằng văn bản theo quy định.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Các tiểu ban HĐQT làm việc theo điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Các Tiểu ban đã tiếp xúc và làm việc với ban điều hành, bộ phận phòng ban liên quan để thu thập thông tin, đánh giá việc triển khai thực hiện nghị quyết HĐQT, ĐHĐCĐ cũng như tính tuân thủ, quản lý rủi ro của Công ty.

- Tiểu ban Nhân sự nội vụ - Pháp Chế thực hiện đánh giá các mục tiêu trong quản trị nhân sự và công tác nội vụ của Công ty.

- Tiểu ban tài chính và kiểm toán nội bộ thực hiện thẩm định và theo dõi/ đánh giá kế hoạch ngân sách và kế hoạch tài chính cho Công ty, tiếp xúc và làm việc các bên liên quan như Công ty Kiểm toán độc lập soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính, Ban điều hành và các phòng ban nghiệp vụ để giám sát các kế hoạch thực hiện và trao đổi các hướng xử lý những vấn đề phát sinh.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: *Không.*

2. BAN KIỂM SOÁT:

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 29/6/2021, Công ty thay đổi cơ cấu quản trị công ty có Ban Kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng cổ đông (không vận hành Ủy ban kiểm toán)

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Kiểm soát	Trình độ chuyên môn
1	Bà Trần Thị Phương	Trưởng Ban kiểm soát	29/06/2021	Cử nhân kế toán
2	Bà Phạm Thị Minh Ngọc	Thành viên	29/6/2021	Thạc sĩ QTKD
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	29/6/2021	Thạc sĩ kế toán

b) Cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên Ban Kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trần Thị Phương	2/2	100%	100%	-
2	Bà Phạm Thị Minh Ngọc	2/2	100%	100%	-
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	2/2	100%	100%	-

3. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Giám sát việc tuân thủ điều lệ công ty và Nghị Quyết ĐHĐCĐ khi HĐQT và Ban điều hành và các thành viên quản lý thực hiện. Kiểm tra giám sát về hoạt động quản lý và thực hiện SXKD tại các chi nhánh, đơn vị.

- Kiểm tra báo cáo tài chính quý, bán niên, năm nhằm đánh giá tính hợp lý, chính xác của các số liệu tài chính.

- Xem xét các báo cáo của Ban điều hành về tình hình quản trị và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Ban điều hành tháng, Quý, Năm.

- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy trình, quy chế của Công ty.

4. SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Trong quá trình kiểm tra, Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp định kỳ, họp chiến lược, kế hoạch của công ty, làm việc cùng Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị thực tế, trao đổi các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát, phòng ngừa rủi ro.

5. HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT (nếu có): Không

6. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Lương, thưởng, thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành:

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao	Ghi chú
1	Đỗ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	
2	Nguyễn Công Lâm	Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc	1.059.847.329	Bổ nhiệm TGD từ 01/08/2021
3	Tổng Viết Phải	Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc	874.888.666	Miễn nhiệm TGD từ 01/08/2021
4	Nguyễn Hữu Công	Thành viên HĐQT-P.Tổng Giám đốc	610.619.783	
5	Đinh Thị Mộng Vân	Thành viên HĐQT	50.000.000	Bổ nhiệm từ 29/06/2021
6	Phạm Thu Hiền	Thành viên HĐQT	50.000.000	Miễn nhiệm từ 29/06/2021
7	Nguyễn Trung	P. Tổng Giám đốc	405.180.000	Bổ nhiệm từ 01/08/2021
8	Võ Anh Hùng	P.Tổng Giám đốc	190.187.166	Miễn nhiệm từ 04/02/2021
	Tổng cộng		3.420.722.944	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Thu Sương	Em ruột PTGD, TV HĐQT Nguyễn Hữu Công	6.881	0,05%	0	0	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Nhìn chung, Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại là hợp lý, đáp ứng nhu cầu quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc, và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc của Công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị
Y tế Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm

toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
 CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 HÀNG KIỂM TOÁN
 AASC
 NGUYỄN NGỌC LÂN
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 1427-2018-002-1
 Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022


Đoàn Thị Thúy
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 0937-2018-002-1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0400101404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 20 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 02, Đường Phan Đình Phùng, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Thành Trung	Chủ tịch	
Ông: Tống Viết Phải	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 15/12/2021)
Ông: Nguyễn Hữu Công	Thành viên	
Bà: Phạm Thu Hiền	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/06/2021)
Ông: Nguyễn Công Lâm	Thành viên	
Bà: Đinh Thị Mộng Vân	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 29/06/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Công Lâm	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 01/08/2021; Miễn nhiệm P. Tổng Giám đốc ngày
Ông: Tống Viết Phải	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2021)
Ông: Nguyễn Hữu Công	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Trung	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 01/08/2021)
Ông: Võ Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 04/02/2021)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Trần Thị Phương	Trưởng ban	(Bỏ nhiệm ngày 29/06/2021, Từ nhiệm ngày 24/01/2022)
Bà: Phạm Thu Hiền	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 29/06/2021)
Bà: Phạm Thị Minh Ngọc	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 29/06/2021)
Bà: Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 29/06/2021)
Bà: Mai Thị Thương Huyền	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/06/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Công Lâm
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Số: 290322. /BCTC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Ngọc Lâm

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Đoàn Thị Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0937-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		480,339,007,474	613,000,498,738
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	21,728,681,921	23,319,594,430
111	1. Tiền		21,728,681,921	23,319,594,430
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		393,288,328,912	524,257,746,823
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	366,067,351,820	511,778,227,349
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	13,322,280,013	11,794,839,599
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	20,000,000,000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	2,129,974,003	5,753,505,926
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8,232,308,798)	(5,108,043,544)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		1,031,874	39,217,493
140	III. Hàng tồn kho	09	64,777,723,365	64,985,444,386
141	1. Hàng tồn kho		64,777,723,365	64,985,444,386
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		544,273,276	437,713,099
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	381,957,955	321,872,995
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		88,934,332	115,840,104
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	73,380,989	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		52,575,830,636	52,520,952,626
220	I. Tài sản cố định		41,713,081,577	43,710,032,404
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	18,886,455,066	20,741,020,113
222	- Nguyên giá		35,843,015,204	35,843,015,204
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16,956,560,138)	(15,101,995,091)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	22,826,626,511	22,969,012,291
228	- Nguyên giá		24,090,954,041	24,090,954,041
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,264,327,530)	(1,121,941,750)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	10	2,455,147,742	214,280,000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2,455,147,742	214,280,000
260	III. Tài sản dài hạn khác		8,407,601,317	8,596,640,222
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	8,407,601,317	8,596,640,222
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		532,914,838,110	665,521,451,364

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		340,315,658,771	487,838,118,652
310	I. Nợ ngắn hạn		338,185,958,771	487,784,418,652
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	299,573,748,073	415,372,854,834
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	18,065,194,612	29,402,458,580
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	278,512,637	1,254,617,998
314	4. Phải trả người lao động		4,835,043,639	6,551,831,592
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	66,239,918	362,955,884
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	2,264,935,924	1,755,961,375
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	12,928,334,881	32,832,118,602
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		173,949,087	251,619,787
330	II. Nợ dài hạn		2,129,700,000	53,700,000
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	2,129,700,000	53,700,000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		192,599,179,339	177,683,332,712
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	192,599,179,339	177,683,332,712
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		139,543,150,000	121,344,740,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9,215,548,634	9,215,548,634
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,334,190,178	2,334,190,178
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		25,644,628,267	25,644,628,267
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15,861,662,260	19,144,225,633
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		945,815,633	3,553,847,812
421b	LNST chưa phân phối năm nay		14,915,846,627	15,590,377,821
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		532,914,838,110	665,521,451,364

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng



Trần Thị Ánh Minh

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Công Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1,549,225,114,572	1,559,588,956,778		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	2,925,879,287	4,788,275,388		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1,546,299,235,285	1,554,800,681,390		
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1,473,822,945,909	1,484,134,147,071		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		72,476,289,376	70,666,534,319		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	4,786,415,220	5,564,654,668		
22	7. Chi phí tài chính	27	2,550,012,504	3,504,091,884		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1,217,215,541	2,084,404,413		
25	8. Chi phí bán hàng	28	42,088,204,704	37,848,378,372		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	15,341,872,986	16,405,255,100		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17,282,614,402	18,473,463,631		
31	11. Thu nhập khác	30	1,916,552,794	5,595,812,829		
32	12. Chi phí khác	31	480,205,236	4,595,563,735		
40	13. Lợi nhuận khác		1,436,347,558	1,000,249,094		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18,718,961,960	19,473,712,725		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	3,803,115,333	3,883,334,904		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14,915,846,627</u>	<u>15,590,377,821</u>		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	<u>1,069</u>	<u>1,117</u>		

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng



Trần Thị Ánh Minh

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18,718,961,960	19,473,712,725
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6,340,699,740	6,519,400,360
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2,222,308,427	2,204,351,179
03	- Các khoản dự phòng		3,124,265,254	2,447,607,197
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		35,915,304	102,893,097
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(259,004,786)	(319,855,526)
06	- Chi phí lãi vay		1,217,215,541	2,084,404,413
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25,059,661,700	25,993,113,085
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		151,928,839,689	223,118,831,525
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		207,721,021	35,554,496,632
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(125,637,659,645)	(272,540,691,003)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(96,403,655)	113,311,639
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1,513,931,507)	(2,073,298,097)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4,433,341,705)	(4,463,769,696)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(77,670,700)	(344,295,213)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		45,437,215,198	5,357,698,872
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7,376,731,021)	(3,998,760,047)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(25,000,000,000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5,000,000,000	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1,200,000,000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		259,004,786	419,855,526
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(27,117,726,235)	(2,378,904,521)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		187,120,045,840	214,962,345,566
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(207,023,829,561)	(219,670,876,319)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(14,561,368,800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(19,903,783,721)	(19,269,899,553)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1,584,294,758)	(16,291,105,202)

60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		23,319,594,430	39,608,588,629
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6,617,751)	2,111,003
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>21,728,681,921</u>	<u>23,319,594,430</u>

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng



Trần Thị Ánh Minh

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc 



Nguyễn Công Lâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0400101404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 20 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Đường Phan Đình Phùng, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 139.543.150.000 đồng; tương đương 13.954.315 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 216 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 215 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại dược phẩm, dược liệu, thành phẩm y học cổ truyền, vaccin, sinh phẩm y tế và trang thiết bị y tế, hoạt động y tế dự phòng, trung tâm tiêm chủng Vaccine.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn dược phẩm, dược liệu, dụng cụ y tế; Bán buôn hóa chất, thực phẩm dinh dưỡng và phòng bệnh, vaccine và chế phẩm sinh học, hương xông muỗi, thuốc xịt muỗi, mắt kính, mỹ phẩm, sữa các loại, kẹo, nước khoáng, nước bổ dưỡng có vitamine, văn phòng phẩm; Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn trang thiết bị y tế và vật tư khoa học kỹ thuật, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuyển giao công nghệ và dịch vụ kỹ thuật y tế, khoa học kỹ thuật;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu: Dược phẩm, dược liệu, dụng cụ y tế, hóa chất, thực phẩm dinh dưỡng và phòng bệnh, vaccin và chế phẩm sinh học, hương xông muỗi, thuốc xịt muỗi, mắt kính, mỹ phẩm, sữa các loại, kẹo, nước khoáng, nước bổ dưỡng có vitamine, văn phòng phẩm, thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế và vật tư khoa học kỹ thuật, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Giao nhận, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì, sửa chữa trang thiết bị y tế và khoa học kỹ thuật;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, dụng cụ y tế, hóa chất, thực phẩm dinh dưỡng và phòng bệnh, vaccin và chế phẩm sinh học, hương xông muỗi, thuốc xịt muỗi, mắt kính, mỹ phẩm, sữa các loại, kẹo, nước khoáng, nước bổ dưỡng có vitamine, văn phòng phẩm, thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế và vật tư khoa học kỹ thuật, thiết bị văn phòng;
- Khám bệnh, chữa bệnh, kê đơn, bốc thuốc bằng phương pháp y học cổ truyền. Sử dụng châm cứu, xoa bóp, day ấn huyệt trong việc điều trị cho người bệnh; Hoạt động của Trung tâm xét nghiệm; Dịch vụ chứng minh tương đương sinh học thuốc;
- Hoạt động của Trung tâm tiêm chủng Vaccine;

- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa, nha khoa;
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng.
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 dẫn đến doanh thu thuần của Công ty giảm đi khoảng 0,55% so với năm 2020. Bên cạnh đó, do phát sinh thêm nhiều chi phí để duy trì hoạt động kinh doanh trong điều kiện áp dụng các biện pháp chống dịch Covid-19 của Chính phủ, chi phí bán hàng của Công ty tăng khoảng 11% so với năm 2020, dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm khoảng 4,21% so với năm 2020.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm, vật tư y tế
Chi nhánh Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Phân phối dược phẩm, vật tư y tế
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm, vật tư y tế
Chi nhánh Quảng Nam	TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Phân phối dược phẩm, vật tư y tế

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ thời gian quá hạn nợ gốc và khả năng thu hồi của các khoản công nợ.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với các lô hàng nhập khẩu, thời điểm ghi nhận hàng tồn kho được xác định là thời điểm phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua theo các điều kiện giao nhận của Incoterm 2020.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng đối với các mặt hàng thông thường không bán theo lô và xác định theo phương pháp đích danh đối với các mặt hàng bán theo lô.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 10 năm

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 36 tháng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở

hữu). Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền sở hữu hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	343,681,862	271,061,508
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21,366,854,041	23,044,833,105
Tiền đang chuyển	18,146,018	3,699,817
	21,728,681,921	23,319,594,430

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Bệnh viện Đà Nẵng	5,026,455,129	-	34,157,389,575	-
- Trung tâm Giám định Bảo hiểm Y tế và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc	135,357,083	-	22,073,580,744	-
- Bệnh viện Trung Ương Huế	13,981,534,978	-	27,884,815,293	-
- Công ty TNHH Dược phẩm An Vượng	32,601,561,238	-	27,493,863,199	-
- Công ty TNHH Dược Phẩm Y-MED	2,394,685,604	-	11,066,787,554	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến	11,820,930,818	-	14,920,516,349	-
- Công ty TNHH Dược Thống Nhất	18,940,808,053	-	27,696,297,437	-
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Nam Khang	10,585,502,774	-	66,438,864,021	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Đại Trung Sinh	2,975,613,923	-	7,697,759,898	-
- Công ty cổ phần Dược phẩm EU	10,200,159,499	-	17,130,393,899	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Thương mại Tân Trường Sinh	6,291,362,650	-	-	-
- Công ty TNHH Dược Tâm Đan	-	-	11,760,801,246	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Hiệp Thuận Thành	8,616,183,270	-	12,428,856,660	-
- Công ty TNHH BIONAM	3,891,695,556	-	2,843,496,801	-
- Công ty TNHH Y Dược Cali - U.S.A	1,276,713,224	-	13,371,756,307	-
- Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Thương Mại SkyLine	2,773,109,717	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Thiên Ân	10,668,926,655	-	-	-
- Công ty TNHH Dược Phẩm S	6,441,665,850	-	-	-
- Công ty TNHH Dược Khang Long	4,518,174,923	-	5,508,839,998	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	212,926,910,876	(8,232,308,798)	209,304,208,368	(5,108,043,544)
	366,067,351,820	(8,232,308,798)	511,778,227,349	(5,108,043,544)

Tại ngày 31/12/2021, toàn bộ giá trị các khoản phải thu được cầm cố để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (chi tiết tại thuyết minh số 14).

Một số khoản phải thu khách hàng được bảo lãnh bởi các nhà cung cấp thông qua Thỏa thuận bảo lãnh thanh toán ba bên ký giữa Công ty, nhà cung cấp và khách hàng. Theo đó, Công ty chỉ phải thanh toán cho các nhà cung cấp khi đã thu được tiền từ các khách hàng được bảo lãnh. Tại ngày 31/12/2021, số dư phải thu khách hàng được bảo lãnh của Công ty là 113.153.825.110 đồng tương ứng với khoản phải trả người bán được dùng để bảo lãnh là 113.153.825.110 đồng.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Matsun Nutrition Co., Ltd	1,613,911,494	-	1,613,911,494	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng TAS	5,135,863,279	-	-	-
- Farmaceutyczna Spółdzielnia Pracy GALENA	1,435,769,999	-	-	-
- Curemed Healthcare Pvt., Ltd	33,929,689	-	2,191,562,686	-
- Prime Pharmaceutical Limited	-	-	2,881,008,000	-
- Beijing Double-Crane Pharmaceutical Business Ltd	-	-	3,740,931,680	-
- Asian Dimedical Pte Ltd	2,842,918,000	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	2,259,887,552	-	1,367,425,739	-
	13,322,280,013	-	11,794,839,599	-

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Elmich	20,000,000,000	-	-	-
	20,000,000,000	-	-	-
Trong đó: Phải thu về cho vay các bên liên quan	20,000,000,000	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

Thông tin chi tiết về khoản cho vay như sau:

Khoản cho vay ngắn hạn theo các hợp đồng vay vốn số 02 ngày 17/08/2021 (điều chỉnh gia hạn thêm 03 tháng theo phụ lục hợp đồng số 02/PL ngày 14/12/2021), số 03/2021/FAP-ELM ngày 18/11/2021 và 04/2021/DAP-ELM ngày 18/11/2021 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 03 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 20.000.000.000 đồng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu người lao động	365,284,586	-	863,209	-
- Ký cược, ký quỹ	907,222,709	-	5,343,894,095	-
- Các khoản chi hộ khách hàng nhập khẩu	489,517,121	-	-	-
- Phải thu khác	367,949,587	-	408,748,622	-
	2,129,974,003	-	5,753,505,926	-

8. NỢ QUÁ HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.				
+ <i>Phải thu khách hàng</i>	27,306,036,571	19,073,727,773	10,003,825,359	4,895,781,815
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược - Vật tư Y tế Quảng Ngãi	917,826,085	-	917,826,085	-
Trung tâm Dược phẩm Liên Chiêu Ông Nguyễn Hải Hưng	-	-	1,763,910,891	1,234,737,624
	26,388,210,486	19,073,727,773	7,322,088,383	3,661,044,191
	27,306,036,571	19,073,727,773	10,003,825,359	4,895,781,815

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	14,094,527,762	-	22,262,216,986	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1,481,106,600	-	2,675,012,499	-
- Thành phẩm	3,614,959,746	-	1,572,013,987	-
- Hàng hóa	45,531,553,246	-	38,449,656,589	-
- Hàng gửi bán	55,576,011	-	26,544,325	-
	64,777,723,365	-	64,985,444,386	-

Tại ngày 31/12/2021, toàn bộ giá trị hàng tồn kho được cầm cố để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (chi tiết xem tại thuyết minh số 14).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
+ Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất và kho bảo quản thuốc tại khu công nghiệp Hòa Cầm ⁽¹⁾	2,455,147,742	214,280,000
	<u>2,455,147,742</u>	<u>214,280,000</u>

(1) Dự án xây dựng "Nhà máy sản xuất và kho bảo quản thuốc tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm" được phê duyệt theo quyết định số 13/2021/NQ-HĐQT ngày 02/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty:

- Địa điểm xây dựng: Khu Công Nghiệp Hòa Cầm, Thành phố Đà Nẵng;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng nhà máy sản xuất và kho bảo quản thuốc;
- Tổng mức đầu tư: Khoảng 41 tỷ đồng;
- Dự kiến hoàn thành: Dự án dự kiến hoàn thành trong Quý II/2022;
- Tại ngày 31/12/2021, dự án đang thực hiện hạng mục xây dựng cơ bản;

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	26,553,017,988	2,538,207,519	5,085,933,749	900,809,156	765,046,792	35,843,015,204
Số dư cuối năm	26,553,017,988	2,538,207,519	5,085,933,749	900,809,156	765,046,792	35,843,015,204
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8,958,834,403	953,708,779	4,150,766,150	581,402,632	457,283,127	15,101,995,091
- Khấu hao trong năm	1,187,778,423	244,166,448	208,945,332	78,478,332	135,196,512	1,854,565,047
Số dư cuối năm	10,146,612,826	1,197,875,227	4,359,711,482	659,880,964	592,479,639	16,956,560,138
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17,594,183,585	1,584,498,740	935,167,599	319,406,524	307,763,665	20,741,020,113
Tại ngày cuối năm	16,406,405,162	1,340,332,292	726,222,267	240,928,192	172,567,153	18,886,455,066

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.677.314.549 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.008.690.258 đồng.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22,110,243,541	1,980,710,500	24,090,954,041
Số dư cuối năm	22,110,243,541	1,980,710,500	24,090,954,041
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	41,831,720	1,080,110,030	1,121,941,750
- Khấu hao trong năm	3,503,820	138,881,960	142,385,780
Số dư cuối năm	45,335,540	1,218,991,990	1,264,327,530
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	22,068,411,821	900,600,470	22,969,012,291
Tại ngày cuối năm	22,064,908,001	761,718,510	22,826,626,511

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 6.442.684.536 đ
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 738.656.000 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Các khoản khác	381,957,955	321,872,995
	381,957,955	321,872,995
b) Dài hạn		
- Tiền thuê đất trả trước - Khu công nghiệp Hòa Cầm (*)	7,342,901,735	7,568,259,335
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	463,026,459	650,849,383
- Chi phí sửa chữa	264,979,905	295,754,863
- Các khoản khác	336,693,218	81,776,641
	8,407,601,317	8,596,640,222

(*) Tiền thuê đất trả trước một lần tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm - Thành phố Đà Nẵng với diện tích 9.000 m2 để phục vụ xây dựng nhà máy. Tại thời điểm 31/12/2021, thời gian thuê đất còn lại là 32 năm 8 tháng. Chi phí tiền thuê đất đã phân bổ vào chi phí trong năm 2021 là 225.357.600 đồng.

14. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sông Hàn ⁽¹⁾	10,323,824,733	10,323,824,733	168,047,723,306	174,595,749,023	3,775,799,016	3,775,799,016
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽²⁾	5,653,892,124	5,653,892,124	6,278,531,356	7,773,389,333	4,159,034,147	4,159,034,147
+ Vay cá nhân ⁽³⁾	16,854,401,745	16,854,401,745	12,793,791,178	24,654,691,205	4,993,501,718	4,993,501,718
	32,832,118,602	32,832,118,602	187,120,045,840	207,023,829,561	12,928,334,881	12,928,334,881

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/7609338/HĐTD ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Sông Hàn ngày 01/11/2021 bao gồm các điều khoản chi tiết s

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất cho vay: Được xác định tại từng thời điểm giải ngân của từng món tiền vay;
- Phương thức bảo đảm: Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 280125 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/11/2007; Thế chấp hàng tồn kho, khoản phải thu hình thành từ vốn vay của BIDV;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 3.775.799.016 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 1002-LAV-210057862 ký với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ngày 19/07/2021, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Được xác định tại từng thời điểm giải ngân của từng món tiền vay;
- Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 4.159.034.147 đồng.

(3) Các khoản vay cán bộ công nhân viên bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: Dưới 12 tháng tùy theo từng kế ước;
- Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 4.993.501.718 đồng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Ever Neuro Pharma GMBH (Ebewe)	10,001,045,950	10,001,045,950	8,195,654,163	8,195,654,163
- Axon Drugs Private Ltd	3,852,668,578	3,852,668,578	16,050,920,675	16,050,920,675
- Công Ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	39,927,802,820	39,927,802,820	4,612,848,943	4,612,848,943
- Mi Pharma Private Limited	7,696,044,887	7,696,044,887	31,721,787,127	31,721,787,127
- Công ty TNHH Dược Phẩm Vạn Hưng	17,299,510,380	17,299,510,380	14,227,376,905	14,227,376,905
- Delta Pharma Limited	16,771,956,805	16,771,956,805	-	-
- Growena Impex Company	7,038,889,686	7,038,889,686	7,062,887,107	7,062,887,107
- Hiệu thuốc Chuyên doanh 04	707,969,035	707,969,035	18,254,126,571	18,254,126,571
- Beijing Double-Crane Pharmaceutical	10,621,040,680	10,621,040,680	29,663,494,679	29,663,494,679
- Pharmatex Italia S.R.L	4,041,166,230	4,041,166,230	32,499,524,929	32,499,524,929
- Troikkaa Pharmaceuticals Ltd	28,813,515,237	28,813,515,237	25,067,891,495	25,067,891,495
- Inbiotech L.T.D	6,915,586,483	6,915,586,483	18,732,184,852	18,732,184,852
- Nagase Singapore (Pte) Ltd	10,155,544,800	10,155,544,800	-	-
- Prime Pharmaceutical Limited	15,358,977,240	15,358,977,240	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	120,372,029,262	120,372,029,262	209,284,157,388	209,284,157,388
	299,573,748,073	299,573,748,073	415,372,854,834	415,372,854,834
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	285,199,046	285,199,046	1,319,762,555	1,319,762,555

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

Tại ngày 31/12/2021, số dư khoản Phải trả người bán được dùng để bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán cho các khách hàng (như đã trình bày tại Thuyết minh số 04) là 113.153.825.110 đồng.

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty TNHH Dược phẩm Đa Phúc	520,000,000	6,636,139,560
- Công ty TNHH Dược phẩm Thăng Lợi	1,938,949,368	2,374,350,630
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Xanh	1,974,331,341	2,913,331,341
- Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Ân	1,781,170,518	339,593,458
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Linh	-	3,803,729,444
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Mỹ Quốc	1,443,622,059	-
- Công ty TNHH Dược phẩm S	-	2,789,393,250
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	10,407,121,326	10,545,920,897
	18,065,194,612	29,402,458,580

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	514,564,948	53,899,468,008	54,397,671,279	-	16,361,677
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	10,235,868,673	10,235,868,673	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	556,845,383	3,803,115,333	4,433,341,705	73,380,989	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	183,207,667	960,383,740	881,440,447	-	262,150,960
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	376,762,332	376,762,332	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	123,000,000	123,000,000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1,265,318	1,265,318	-	-
	-	1,254,617,998	69,399,863,404	70,449,349,754	73,380,989	278,512,637

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	66,239,918	362,955,884
	66,239,918	362,955,884

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	139,177,816	138,773,893
- Kinh phí công đoàn	74,517,594	74,636,047
- Bảo hiểm xã hội	28,030,981	34,422,894
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	400,000	400,000
- Thù lao Hội đồng quản trị	670,000,000	874,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,352,809,533	633,728,541
	2,264,935,924	1,755,961,375
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,129,700,000	53,700,000
	2,129,700,000	53,700,000

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	121,344,740,000	9,215,548,634	2,334,190,178	25,644,628,267	18,115,216,612	176,654,323,691
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	15,590,377,821	15,590,377,821
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(14,561,368,800)	(14,561,368,800)
Số dư cuối năm trước	121,344,740,000	9,215,548,634	2,334,190,178	25,644,628,267	19,144,225,633	177,683,332,712
Số dư đầu năm nay	121,344,740,000	9,215,548,634	2,334,190,178	25,644,628,267	19,144,225,633	177,683,332,712
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	14,915,846,627	14,915,846,627
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	18,198,410,000	-	-	-	(18,198,410,000)	-
Số dư cuối năm nay	139,543,150,000	9,215,548,634	2,334,190,178	25,644,628,267	15,861,662,260	192,599,179,339

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 46/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm: 1.819.841 cổ phiếu;
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 15% (mỗi 100 cổ phiếu nhận thêm 15 cổ phiếu);
- Đối tượng được phân phối: Cổ đông hiện hữu;
- Công ty đã hoàn thành phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 24/11/2021 theo báo cáo số 852/BCPH-CT ngày 24/11/2021 và hoàn thành việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 19/01/2022.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Megram	71,172,900,000	51.00%	61,889,480,000	51.00%
Công ty Cổ phần Dược Danapha	9,998,100,000	7.16%	8,694,000,000	7.16%
Ông Phạm Văn Trương	8,050,000,000	5.77%	6,597,000,000	5.44%
Cổ đông khác	50,322,150,000	36.07%	44,164,260,000	36.40%
	139,543,150,000	100%	121,344,740,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	121,344,740,000	121,344,740,000
- Vốn góp tăng trong năm	18,198,410,000	-
- Vốn góp cuối năm	139,543,150,000	121,344,740,000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	400,000	400,000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	18,198,410,000	14,561,368,800
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18,198,410,000	14,561,368,800
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	14,561,368,800
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	14,561,368,800
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	18,198,410,000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18,198,410,000	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	400,000	400,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13,954,315	12,134,474
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13,954,315	12,134,474
- Cổ phiếu phổ thông	13,954,315	12,134,474
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,954,315	12,134,474
- Cổ phiếu phổ thông	13,954,315	12,134,474
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10,000	10,000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	25,644,628,267	25,644,628,267
	<u>25,644,628,267</u>	<u>25,644,628,267</u>

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thành phố Đà Nẵng để sử dụng với các mục đích xây dựng văn phòng làm việc và cửa hàng bán sản phẩm và kho chứa hàng. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm - Thành phố Đà Nẵng với diện tích 9.000 m² để phục vụ xây dựng nhà máy sản xuất vật tư y tế. Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho khoảng thời gian thuê từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 08 năm 2054. Thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 13.

b) Tài sản nhận thế chấp

Công ty đang nhận thế chấp các lô hàng tồn kho lưu tại kho của Chi nhánh Hà Nội của một số khách hàng để đảm bảo cho các khoản phải thu khách hàng với tổng số lượng 1.095.931 đơn vị dược phẩm, giá trị sổ sách là 48.719.445.828 đồng.

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ	USD	20,224.88	7,353.06
- Euro	EUR	1,170.23	1,172.06

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán dược phẩm	1,421,181,460,140	1,392,132,415,624
Doanh thu thiết bị y tế	110,739,664,757	159,660,360,178
Doanh thu dịch vụ	17,303,989,675	7,796,180,976
	<u>1,549,225,114,572</u>	<u>1,559,588,956,778</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)	<u>9,926,229</u>	<u>-</u>

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Chiết khấu thương mại	1,574,780,974	1,281,616,284
- Hàng bán bị trả lại	1,351,098,313	3,506,659,104
	<u>2,925,879,287</u>	<u>4,788,275,388</u>

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	-	-
	VND	VND
Doanh thu bán dược phẩm	1,418,255,580,853	1,387,344,140,236
Doanh thu thiết bị y tế	110,739,664,757	159,660,360,178
Doanh thu dịch vụ	17,303,989,675	7,796,180,976
	<u>1,546,299,235,285</u>	<u>1,554,800,681,390</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn dược phẩm đã bán	1,371,001,006,089	1,339,514,665,194
Giá vốn vật tư y tế đã bán	102,821,939,820	144,619,481,877
	<u>1,473,822,945,909</u>	<u>1,484,134,147,071</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	259,004,786	379,855,526
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	40,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1,465,408,952	1,933,619,881
Lãi bán hàng chậm thanh toán theo hợp đồng	2,490,439,577	2,470,078,321
Doanh thu hoạt động tài chính khác	571,561,905	741,100,940
	<u>4,786,415,220</u>	<u>5,564,654,668</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1,217,215,541	2,084,404,413
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	100,000,000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1,296,881,659	1,216,794,374
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	35,915,304	102,893,097
	<u>2,550,012,504</u>	<u>3,504,091,884</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	24,133,737,309	22,498,009,357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	881,313,887	912,551,103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,788,904,890	6,465,047,508
Chi phí khác bằng tiền	7,284,248,618	7,972,770,404
	42,088,204,704	37,848,378,372

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	5,290,703,311	7,776,364,842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,009,035,384	899,907,812
Chi phí dự phòng	3,124,265,254	2,447,607,197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,891,095,720	2,769,831,150
Chi phí khác bằng tiền	3,026,773,317	2,511,544,099
	15,341,872,986	16,405,255,100

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Nhà cung cấp bồi thường cho các lô hàng bị hủy	143,950,890	4,449,052,400
Tiền phạt thu được	66,683,806	162,893,924
Thưởng doanh số từ nhà cung cấp	853,715,652	940,892,380
Thu nhập khác	852,202,446	42,974,125
	1,916,552,794	5,595,812,829

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí hủy hàng được phẩm	72,442,118	4,509,153,801
Chi phí khác	407,763,118	86,409,934
	480,205,236	4,595,563,735

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18,718,961,960	19,473,712,725
Các khoản điều chỉnh tăng	296,920,725	113,827,356
- Chi phí không hợp lệ	94,500	10,251,890
- Phạt vi phạm hành chính	6,770	3,269,448
- Lương và thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành	285,000,000	100,000,000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và phải thu gốc ngoại tệ cuối năm nay	9,708,452	306,018
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và phải thu gốc ngoại tệ cuối năm trước	2,111,003	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(306,018)	(170,865,562)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(40,000,000)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và phải thu gốc ngoại tệ cuối năm trước	(306,018)	(128,754,559)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và phải thu gốc ngoại tệ cuối năm nay	-	(2,111,003)
Thu nhập chịu thuế TNDN	19,015,576,667	19,416,674,519
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3,803,115,333	3,883,334,904
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	556,845,383	1,137,280,175
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4,433,341,705)	(4,463,769,696)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(73,380,989)	556,845,383

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14,915,846,627	15,590,377,821
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14,915,846,627	15,590,377,821
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13,954,315	13,954,315
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,069	1,117

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10,857,853,777	7,677,514,398
Chi phí nhân công	31,261,665,400	31,608,034,091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,996,950,827	1,978,989,941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,999,278,576	9,234,878,658
Chi phí khác bằng tiền	13,327,568,862	10,005,901,093
	70,443,317,442	60,505,318,181

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,728,681,921	-	23,319,594,430	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	368,197,325,823	(8,232,308,798)	517,531,733,275	(5,108,043,544)
Các khoản cho vay	20,000,000,000	-	-	-
	409,926,007,744	(8,232,308,798)	540,851,327,705	(5,108,043,544)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vay và nợ	12,928,334,881	32,832,118,602
Phải trả người bán, phải trả khác	303,968,383,997	417,182,516,209
Chi phí phải trả	66,239,918	362,955,884
	316,962,958,796	450,377,590,695

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,728,681,921	-	-	21,728,681,921
Phải thu khách hàng, phải thu khác	359,965,017,025	-	-	359,965,017,025
Các khoản cho vay	20,000,000,000	-	-	20,000,000,000
	401,693,698,946	-	-	401,693,698,946
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,319,594,430	-	-	23,319,594,430
Phải thu khách hàng, phải thu khác	512,423,689,731	-	-	512,423,689,731
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	535,743,284,161	-	-	535,743,284,161

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	12,928,334,881	-	-	12,928,334,881
Phải trả người bán, phải trả khác	301,838,683,997	2,129,700,000	-	303,968,383,997
Chi phí phải trả	66,239,918	-	-	66,239,918
	314,833,258,796	2,129,700,000	-	316,962,958,796

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 01/01/2021	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	32,832,118,602	-	-	32,832,118,602
Phải trả người bán, phải trả khác	417,128,816,209	53,700,000	-	417,182,516,209
Chi phí phải trả	362,955,884	-	-	362,955,884
	450,323,890,695	53,700,000	-	450,377,590,695

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là **có thể kiểm soát được**. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	187,120,045,840	214,962,345,566
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	207,023,829,561	219,670,876,319

37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20a, ngày 19/01/2022, Công ty đã hoàn thành việc đăng ký bổ sung 1.819.841 chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh được phẩm	Kinh doanh thiết bị y tế	Dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1,418,255,580,853	110,739,664,757	17,303,989,675	1,546,299,235,285
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	47,254,574,764	7,917,724,937	17,303,989,675	72,476,289,376
Tổng chi phí mua tài sản cố định				2,240,867,742
Tài sản không phân bổ				532,914,838,110
Tổng tài sản	-	-	-	532,914,838,110
Nợ phải trả không phân				340,315,658,771
Tổng nợ phải trả	-	-	-	340,315,658,771

Do công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Megram	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Elmich	Công ty con của Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9,926,229	-
Công ty Cổ phần Dược Danapha	9,926,229	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	3,668,952,167	5,416,026,002
Công ty Cổ phần Dược Danapha	3,301,968,741	5,315,884,588
Công ty Cổ phần Elmich	15,987,484	-
Công ty Cổ phần Megram	350,995,942	100,141,414
Doanh thu tài chính	222,893,151	-
Công ty Cổ phần Elmich	222,893,151	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu về cho vay	20,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Elmich	20,000,000,000	-
Phải trả cho người bán	285,199,046	1,319,762,555
Công ty Cổ phần Dược Danapha	135,660	1,272,242,555
Công ty Cổ phần Megram	285,063,386	47,520,000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	51,128,767	-
Công ty Cổ phần Elmich - lãi vay	51,128,767	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông: Đỗ Thành Trung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	180,000,000	321,000,000
Ông: Tống Viết Phái	Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm TGD từ 01/08/2021)	874,888,666	765,617,970
Ông: Nguyễn Hữu Công	Thành viên HĐQT-P.Tổng Giám đốc	610,619,783	522,069,435
Bà: Phạm Thu Hiền	Thành viên HĐQT, trưởng BKS (Miễn nhiệm từ 29/06/2021)	50,000,000	50,000,000
Ông: Nguyễn Công Lâm	Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm TGD từ 01/08/2021)	1,059,847,329	781,260,406
Ông: Võ Anh Hùng	Thành viên HĐQT-P.Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ 04/02/2021)	190,187,166	484,128,192
Ông: Nguyễn Trung	P. Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/08/2021)	405,180,000	-
Bà: Đinh Thị Mộng Vân	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 01/08/2021)	50,000,000	50,000,000

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng



Trần Thị Ánh Minh

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc 

 Nguyễn Công Lâm